

Số: 38 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 17 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình;

Xét Văn bản số 379/STNMT-QLMT ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 978/CV-BV ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình và hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh kèm theo Văn bản giải trình số 457/VB-PS ngày 04 tháng 5 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 231/TTr-STNMT ngày 09 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện Phụ sản Thái Bình, địa chỉ: Số 530A, đường Lý Bôn, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Phụ sản Thái Bình.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 530A, đường Lý Bôn, phường Quang Trung,

thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

1.3. Quyết định thành lập Bệnh viện số 1727/2000/QĐ-UB ngày 18/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình; các Quyết định: Số 889/QĐ-UBND ngày 14/4/2016, số 2740/QĐ-UBND ngày 30/9/2019, số 3395/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Dự án Tăng cường hệ thống xử lý chất thải y tế Bệnh viện Phụ sản và một số Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện tại tỉnh Thái Bình.

1.4. Mã số thuế: 1000265537.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích sử dụng đất 18.072,4 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ "CT" 03871 ngày 29/7/2019).

- Công suất thiết kế:

+ Quy mô giường bệnh: 200 giường (Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 12/7/2013), đến năm 2025 chỉ tiêu giường bệnh kế hoạch 450 giường (Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 28/7/2023).

+ Xử lý rác thải y tế nguy hại 660 kg/ngày (Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 14/4/2016) cho Bệnh viện Phụ sản và các bệnh viện khác đóng trên địa bàn thành phố Thái Bình.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Phụ sản Thái Bình có trách nhiệm:



2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / a

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND thành phố Thái Bình;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Bệnh viện Phụ sản Thái Bình;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Văn Hoàn





Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 38 /GPMT-UBND
ngày 11 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: 14 nguồn phát sinh nước thải, gồm:

- + Nguồn số 01: Phát sinh từ bể tự hoại số 01 của khu nhà điều trị.
- + Nguồn số 02: Phát sinh từ bể tự hoại số 02 của khu nhà điều trị.
- + Nguồn số 03: Phát sinh từ bể tự hoại số 03 của khu nhà điều trị.
- + Nguồn số 04: Phát sinh từ bể tự hoại số 01 của khu nhà trung tâm kỹ thuật.
- + Nguồn số 05: Phát sinh từ bể tự hoại số 02 của khu nhà trung tâm kỹ thuật.
- + Nguồn số 06: Phát sinh từ bể tự hoại số 03 của khu nhà trung tâm kỹ thuật.
- + Nguồn số 07: Phát sinh từ bể tự hoại số 01 của khu nhà khám và điều hành.
- + Nguồn số 08: Phát sinh từ bể tự hoại số 02 của khu nhà khám và điều hành.
- + Nguồn số 09: Phát sinh từ bể tự hoại số 03 của khu nhà khám và điều hành.
- + Nguồn số 10: Phát sinh từ bể tự hoại số 04 của khu nhà khám và điều hành.
- + Nguồn số 11: Phát sinh từ bể tự hoại số 05 của khu nhà khám và điều hành.
- + Nguồn số 12: Phát sinh từ bể tự hoại số 06 của khu nhà khám và điều hành.
- + Nguồn số 13: Phát sinh từ khu vực giặt là.
- + Nguồn số 14: Phát sinh từ hệ thống khử mùi của thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng nước thải y tế sau khi xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố Thái Bình.

2.3. Vị trí xả nước thải: Tọa độ $X_{(m)} = 2261330.680$; $Y_{(m)} = 587370.078$ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (khoảng $12,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy qua cống bê tông kích thước $0,8 \times 1 \text{ (m)}$ dài khoảng 306 m vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A giá trị C_{max} (áp dụng với hệ số $K = 1$), cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT Cột A	Quan trắc định kỳ/ quan trắc tự động
01	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc nước thải tự động, liên tục
02	BOD ₅	mg/l	30	
03	COD	mg/l	50	
04	TSS	mg/l	50	
05	S ²⁻	mg/l	1,0	
06	NH ₄ ⁺	mg/l	5	
07	NO ₃ ⁻	mg/l	30	
08	PO ₄ ³⁻	mg/l	6	
09	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	10	
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	
11	Salmonella	VK/100ml	KPH	
12	Shigella		KPH	
13	Vibrio cholerae		KPH	

Ghi chú: Không áp dụng các thông số tổng hoạt độ phóng xạ α và tổng hoạt độ phóng xạ β do cơ sở không sử dụng nguồn phóng xạ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Mạng lưới thu gom nước thải: Đường ống PVC đường kính 200 mm, dài khoảng 275,5 m, đường ống PVC đường kính 76 mm khoảng dài 24 m, đường ống PVC đường kính 90 mm dài khoảng 68,6 m, đường ống PVC đường kính 110 mm dài khoảng 13,1 m, đường ống PVC đường kính 21 mm dài khoảng 67 m dẫn toàn bộ nước thải phát sinh về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Mạng lưới thoát nước thải: Công bê tông kích thước 0,8x1 (m) dài khoảng 306 m dẫn vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ: Nước thải → hồ ga nước thải đầu vào → bể gom → cụm thiết bị xử lý hợp khối AAO → hồ ga nước thải đầu ra → hệ thống thoát nước chung của thành phố.

- Công suất thiết kế: 300 m³/ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng: Cloramin B (dạng viên).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa: Tuân thủ đúng các bước vận hành của trạm xử lý nước thải, lập sổ theo dõi, ghi chép hoạt động của trạm hàng ngày, ghi chép cụ thể tình trạng và các biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố, nạo vét bùn thải định kỳ, trang bị máy phát điện và các thiết bị dự phòng đảm bảo trạm xử lý nước thải hoạt động bình thường trong trường hợp gặp sự cố mất điện.

- Biện pháp ứng phó: Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý ra hệ thống thoát nước của thành phố; khi xảy ra sự cố, lắp đặt bể dự phòng bằng bạt, khung thép thể tích đảm bảo lưu chứa nước thải tạm thời, tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố tiến hành lấy mẫu kiểm chứng nước thải để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải, khi nước thải đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT giá trị C với hệ số K = 1 mới được xả thải ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom nước thải; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn thải.

3.3. Thực hiện các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải gồm các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh (nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm).

3.6. Bệnh viện Phụ sản Thái Bình chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vượt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

THÁI BÌNH

**Phụ lục 02****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 38 /GPMT-UBND
ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP KHÍ THẢI.

Không phát sinh khí thải, không thuộc đối tượng cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

- Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại, gồm: Hệ thống đường ống thu gom dẫn vào khoang làm mát có phun khí Ozon để khử mùi, nước ngưng tụ theo đường ống dẫn nước về trạm xử lý tập trung.

- Thường xuyên lau dọn vệ sinh, khử khuẩn; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, bố trí khu vực lưu giữ hợp lý, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, không để tồn đọng chất thải gây phát sinh mùi; trồng cây xanh cách ly tại khu vực trạm xử lý nước thải; có biện pháp quản lý phương tiện ra vào hợp lý.

- Đảm bảo sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn cho máy phát điện dự phòng, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.



Phụ lục 03
BẢO ĐẢM GIA TRÚ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 38 /GPMT-UBND
 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: Khu nhà đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khu nhà đặt máy bơm nước cấp;
- Nguồn số 03: Khu nhà điều hành trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 1, tọa độ:

+ Góc phía Tây Bắc: $X_{(m)} = 2261196.973$; $Y_{(m)} = 587243.787$

+ Góc phía Đông Bắc: $X_{(m)} = 2261187.719$; $Y_{(m)} = 587230.894$

+ Góc phía Đông Nam: $X_{(m)} = 2261177.892$; $Y_{(m)} = 587257.763$

+ Góc phía Tây Nam: $X_{(m)} = 2261171.945$; $Y_{(m)} = 587242.245$

- Nguồn số 2, tọa độ:

+ Góc phía Tây Bắc: $X_{(m)} = 2261245.719$; $Y_{(m)} = 587358.639$

+ Góc phía Đông Bắc: $X_{(m)} = 2261256.528$; $Y_{(m)} = 587363.324$

+ Góc phía Đông Nam: $X_{(m)} = 2261244.546$; $Y_{(m)} = 587367.306$

+ Góc phía Tây Nam: $X_{(m)} = 2261240.644$; $Y_{(m)} = 587362.109$

- Nguồn số 3, tọa độ:

+ Góc phía Tây Bắc: $X_{(m)} = 2261226.197$; $Y_{(m)} = 587221.410$.

+ Góc phía Đông Bắc: $X_{(m)} = 2261229.871$; $Y_{(m)} = 587225.461$

+ Góc phía Đông Nam: $X_{(m)} = 2261224.257$; $Y_{(m)} = 587229.663$

+ Góc phía Tây Nam: $X_{(m)} = 2261221.234$; $Y_{(m)} = 587225.088$

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn cụ thể như sau:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

- Giới hạn cho phép của tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

- Giới hạn cho phép của độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Trồng cây xanh cách ly.
- Bố trí vị trí đặt máy phát điện dự phòng hợp lý, riêng biệt; lắp đặt chân đế, bệ máy và lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho thiết bị; định kỳ tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng đối với máy phát điện dự phòng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.





Phụ lục 04

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 88/GPMT-UBND
ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc, nhọn), bóng đèn huỳnh quang... khối lượng phát sinh trung bình 2.841,6 kg/tháng, lớn nhất 3.168 kg/tháng.

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường: Chai lọ thủy tinh, chai nhựa, dây truyền, các vật liệu nhựa, bơm tiêm không dính máu, chất thải hoạt động văn phòng (bia catton, túi đựng phim...) phát sinh khoảng 525 kg/năm; bùn thải từ trạm xử lý nước thải phát sinh từ 0,8-1 m³/năm, chất thải rắn sau xử lý của hệ thống xử lý chất thải nguy hại cho cụm bệnh viện khoảng 90% chất thải nguy hại đầu vào tương đương khoảng 209,25 - 286,2 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Tã, giấy vệ sinh, giấy ăn, vỏ bao bì đựng thức ăn... phát sinh khoảng 16.800 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 20 m², kích thước (rộng × dài) = (4 × 5) m.

- Một phần tự xử lý bằng thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm tại Bệnh viện, phần không xử lý được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Khu lưu giữ chất thải rắn thông thường: Diện tích 30 m², kích thước (rộng × dài) = (5 × 6) m.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa thể tích 120 lít tại các khu vực phát sinh, trang bị các xe đẩy tay chuyên dụng; bố trí khu lưu giữ tạm thời diện tích khoảng 40 m².

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải (Hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm tại Bệnh viện).

- Xây dựng nhà chứa thiết bị xử lý diện tích khoảng 120 m², nhà lưu chứa tạm thời chất thải diện tích 66,12 m² (xây dựng kiên cố, có mái che, tường bao, nền chống thấm).

- Lắp đặt 02 thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại công nghệ vi sóng.

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý: Chất thải lây nhiễm sắc, nhọn, chất thải giải phẫu...

- Khối lượng chất thải tự xử lý: Khoảng 232,5-318 kg/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Chất thải y tế nguy hại có thể xử lý → thiết bị xử lý (nghiền nhỏ, vi sóng, nhiệt, khử khuẩn) → thoát liệu (chất thải rắn thông thường).

- Công suất thiết kế: 660 kg/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Hệ thống, công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: Các thiết bị, hệ thống, công trình phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT; vận hành thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại tuân thủ quy định của QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 108, Điều 109, Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 72, Điều 73, Điều 74 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 05
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 38 /GPMT-UBND
ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

1. Thu gom, quản lý, xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
2. Thực hiện vận hành thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại đảm bảo hiệu quả xử lý đạt quy chuẩn QCVN 55:2013/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.
3. Bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.
4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp Giấy phép xem xét, giải quyết.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định;
6. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.